| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T**<br>**TỈNH PHÚ THỌ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 56/2019/QĐST-HNGĐ | *T, ngày 10 tháng 4 năm 2019* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 75/2019/TLST-HNGĐ ngày 21/3/2019, giữa:

*Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị T SN 1985

Địa chỉ: Khu C2, xã TC, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:* Ông Lã Thành Công – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nà nước tỉnh Phú Thọ.

*Bị đơn:* Anh Hà Văn T1 SN 1984

Địa chỉ: Khu C2, xã TC, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:* Bà Phan Thùy Linh – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nà nước tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào điều 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 55,57,81,82,83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03/4/2019.

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03/4/2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Hoàng Thị T và anh Hà Văn T1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*2.1. Về con chung:* Hai bên thống nhất có 01 con chung tên là Hà Đức T3, sinh ngày 11/4/2008. Sau khi ly hôn thì hai bên thỏa thuận để chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên và tự nguyện không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2*.2. Về tài sản chung; Cho vay, đi vay; Cấp dưỡng giữa vợ và chồng:* Chị T và anh T1 cùng thống nhất không có và không yêu cầu.

*2.3. Về án phí ly hôn sơ thẩm:* Chị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí thay cho anh T1 theo quy định của pháp luật là 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng).

Xác nhận chị T đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2011 – 01513 ngày 21/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ. Chị T được trả lại số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng)..

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- VKSND huyện T;
- CC.THADS huyện T;
- UBND xã TC (vào sổ hộ tịch);
- Các bên đương sự;
- TGVPL;
- Lưu: HS, VP.

**THẨM PHÁN**

**Phạm Tuấn Anh**